TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/6//2019
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phú
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cương và ông Huỳnh Trí Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy T, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Kiều T; HKTT: thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Thành N; trú tại: thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều T trình bày: Chị và anh Lê Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N sống gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên cải vả nhau và nhiều lần anh N dùng bạo lực đánh đập chị. Tháng 11/2018, do không chịu đựng nỗi những lần bị đánh nên chị T đã về sống với cha mẹ ruột (ở thôn K, xã H, huyện Đ) và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi về nhà mẹ ruột, vì nhớ con, chị T có nhiều lần đến nhà chồng để xin bồng con về nuôi nhưng gia đình nhà chồng không cho.

Xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và để có điều kiện chăm sóc cho con nên chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành N.

+ Anh Lê Thành N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm vợ chồng kết hôn và nơi đăng ký kết hôn.

Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì anh N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến lời qua tiếng lại, xô xác nhau, anh có đánh chị T, chị T về nhà cha mẹ ruột ở thôn

K, xã H, huyện Đ sinh sống từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Chị T cùng người nhà đến nhà mẹ của anh đòi bồng con về nuôi nhưng anh và mẹ anh không cho. Anh có nhiều lần khuyên chị T trở về để vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng chị T không đồng ý. Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng thống nhất khai có 01 con chung là Lê Minh C, sinh ngày 02 tháng 4 tháng 2018. Chị T và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại cháu C đang ở với bà nội (bà Lê Thị I) và anh N tại thôn P, xã M, huyện Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:***

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

- Quan hệ con chung: Do anh N nhiều lần đánh chị T nên chị T mới về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó, chị T có đến gia đình nhà chồng để bồng con về nuôi nhưng bị gia đình nhà chồng và anh N ngăn cản. Xét thực tế cháu C còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, đang cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ vào ngày 19 tháng 12 năm 2017 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, ngày 19/12/2017 của UBND xã M). Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cải vả, xô xác nhau, anh N có nhiều lần đánh chị T. Tháng 11/2018, do sợ bị anh N tiếp tục đánh nên chị T về ở với cha mẹ ruột (ở thôn K, xã H, huyện Đ). Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không còn chung sống nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không N được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh N thì thấy: Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, để tránh bị anh N đánh đập nên chị T về nhà cha mẹ ruột để sống, ngay sau khi về sống với cha mẹ ruột thì chị T đã làm đơn xin ly hôn và có nguyện vọng nuôi con. Để có điều kiện chăm sóc con, chị T đã cùng gia đình đến nhà mẹ chồng xin được bồng con về nuôi nhưng anh N không cho, chị T có nhờ Công an xã M đến

can thiệp nhưng anh N vẫn cản trở việc nuôi con của chị T (việc này được Công an xã M xác nhận). Chị T có công việc và thu nhập hàng tháng ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Lê Minh C do bà nội (bà Lê Thị I) nuôi dưỡng, anh N đi làm ăn không có điều kiện chăm sóc cháu nhiều. Tính đến thời điểm hiện nay, cháu C chưa đủ 15 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân – Gia đình. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tình hình thực tế của vợ chồng và con, cần chấp nhận nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Điều 147 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kiều T.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Thành N.

- Về con chung: Buộc anh Lê Thành N giao con chung Lê Minh C, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018, cho chị Huỳnh Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Hiện tại cháu C đang ở với bà nội (bà Lê Thị I) và anh N tại thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Huỳnh Thị Kiều T. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: (Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết).

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kiều T phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 03056 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Thành N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**